TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 07/2019/DS-ST
Ngày 26-6-2019
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Đạt

Ông Đinh Văn Khoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 về vụ xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lương Đình C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Lương Đình C trình bày:

Anh Lương Đình C và chị Dương Thị H được tự do tìm hiểu, và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán; trước khi tiến tới đăng ký kết hôn, giữa anh C và chị H được tự do tìm hiểu không ai ngăn ép buộc. Ngày 16/7/2008, anh Lương Đình C và chị Dương Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; giấy chứng nhận kết hôn số

15/2008. Sau khi kết hôn anh C và chị H sống với nhau không có hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2010 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn K, xã T sống. Từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau và sống ly thân cho đến nay. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C đề nghị được ly hôn với chị Dương Thị H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Dương Thị H vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập nhiều lần. Chị Dương Thị H đã biết Tòa án triệu tập đến để giải quyết việc ly hôn với anh Lương Đình C, nhưng chị H không đến. Tòa án đã thực hiện tất cả các biện pháp tống đạt theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị H vẫn không có mặt không hợp tác với tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Chị Dương Thị H vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần hai không có lý do, mặc dù đã được tòa án tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Dương Thị H là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lương Đình C và chị Dương Thị H là hợp pháp có đăng ký hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Lương Đình C trình bày vợ chồng đã mâu thuẫn nhiều năm, không còn quan tâm đến nhau. Chị Dương Thị H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại tòa để trình bày ý kiến của mình về việc anh Lương Đình C xin ly hôn với chị H. Như vậy chị Dương Thị H đã tự từ bỏ quyền tố tụng của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Ngày 22/5/2019 Tòa án đã xác minh với chị Đặng Thị X là chị dâu của chị Dương Thị H ở cùng nhà và cùng trong sổ hộ khẩu gia đình; xác minh với chính quyền địa phương nơi chị H có đăng ký hộ khẩu. Qua xác minh chị Đặng Thị Xuân cho biết những lần Tòa án có giấy triệu tập chị H đến Tòa để giải quyết việc ly hôn với anh C. Gia đình đều thông báo cho chị H biết, do chị H đi làm ăn xa lên không về giải quyết việc ly hôn theo quy định. Cả gia đình và chính quyền địa phương đều xác định chị H và anh C ly thân không sống cùng nhau từ năm 2010 đến nay.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Lương Đình C và chị Dương Thị H: Thấy rằng chị Dương Thị H không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết ly hôn và cũng không có ý kiến về việc anh Lương Đình C có đơn xin ly hôn với chị Dương Thị H. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa anh Lương Đình C và chị Dương Thị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Lương Đình C yêu cầu ly hôn với chị Dương Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Lương Đình C là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Không có.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh Lương Đình C trình bày là không có. Chị Dương Thị H vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện B về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng quy định khi được Tòa án triệu tập; bị đơn không chấp hành quy định khi được tòa án triệu tập đến để giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lương Đình C và nguyên đơn anh Lương Đình C phải chịu án phí theo quy định.

[10] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lương Đình C được ly hôn với chị Dương Thị H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về án phí: anh Lương Đình C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu số AA/2015/0000154 ngày 23/4/2019. Anh Lương Đình C đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA huyện B; tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Đức